

Bản án số: **20/2019/LĐ-PT**

Ngày 12-11-2019

V/v tranh chấp tiền lương ngừng việc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa;

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung;

Ông Lê Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 07 đến ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLPT-LĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019 về “tranh chấp tiền lương ngừng việc”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 21/2018/LĐ-ST, ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2019/QĐ-PT, ngày 12 tháng 9 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 33/TB-TA, ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 95/2019/QĐ-PT, ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Lê D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Tấn T, Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật Công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: phường E, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty cổ phần H.

Địa chỉ: phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn K – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2017).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Huỳnh Lê D.

(Ông Huỳnh Lê D, ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh Lê D trình bày:

Ông Huỳnh Lê D làm công nhân vận hành dây chuyền chế biến thuốc lá tại Công ty cổ phần H (sau đây gọi tắt là Công ty H) từ tháng 11/1989. Ngày 01/6/2016, ông D và Công ty H ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 224/HĐLĐ-CPHV, mức lương là 6.825.500 đồng/tháng. Đến ngày 24/11/2016, các bên ký phụ lục hợp đồng lao động số: 50/2016/PLHĐLĐ, mức lương từ ngày 01/11/2016 của ông D là 7.063.500 đồng/tháng.

Trong năm 2016 và 2017, Công ty H cho ông D ngừng việc 105 ngày (từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2016 là 07 ngày, tháng 12/2016 là 03 ngày, từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 là 95 ngày) và trả lương ngừng việc bằng mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định (năm 2016 là 3.500.000 đồng/tháng và năm 2017 là 3.750.000 đồng/tháng).

Nhận thấy Công ty H trả lương ngừng việc không đúng quy định, ông D khiếu nại đến Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai. Ngày 01/9/2017, Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 336/QĐ-TTr, ngày 01/9/2017 yêu cầu Công ty H giải quyết trả tiền lương ngừng việc còn thiếu cho ông D. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu Công ty H trả tiền lương ngừng việc còn thiếu, cụ thể như sau:

- Tiền lương ngừng việc còn thiếu năm 2016 (10 ngày) là 1.306.500 đồng.
- Tiền lương ngừng việc còn thiếu năm 2017 (95 ngày) là 12.107.019 đồng.

Trả tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng với số tiền 2.280.000 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần H trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về số ngày ngừng việc năm 2016 và 2017. Tuy nhiên, tiền lương ngừng việc Công ty H trả cho ông D là đúng quy định, cụ thể như sau:

Công việc của Công ty H đặc thù là mùa vụ. Do ảnh hưởng của Luật phòng chống tác hại của thuốc lá và cam kết quốc tế FCTC đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nên Công ty H phải thu hẹp sản xuất, chấm dứt hoạt động của nhiều chi nhánh trực thuộc. Do đó, Công ty H phải cho người lao động ngừng việc vì lý do kinh tế theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012.

Ngày 01/6/2016, Công ty H ban hành Thông báo số: 294/TB-CPHV về việc ban hành Thỏa ước lao động tập thể năm 2016 – 2018 (được đại diện người sử dụng lao động và đại diện tập thể người lao động ký ngày 26/4/2016). Công ty H đã thỏa thuận với người lao động bằng hình thức lấy ý kiến trực tiếp thông qua bản dự thảo cho người lao động đóng góp ý kiến, các xí nghiệp trực thuộc tổng hợp gửi về Công ty H để thông qua. Theo Điều 12 của thỏa ước lao động tập thể thì tiền lương trả cho người lao động được thực hiện theo Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của công ty.

Ngày 28/01/2016, Công ty H ban hành Quyết định số: 19/QĐ-CPHV về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng (có hiệu lực từ ngày 01/01/2016). Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng đã tham khảo ý kiến đóng góp của toàn thể đơn vị trực thuộc, tổ chức đại diện tập thể lao động trước khi ban hành. Theo Điều 19 của Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng thì nhân viên phải tạm ngừng việc theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 98 của Bộ luật lao động được hưởng 100% lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

Như vậy, Công ty H trả tiền lương ngừng việc cho ông D theo mức lương tối thiểu vùng năm 2016 là 3.500.000 đồng/tháng và năm 2017 là 3.750.000 đồng/tháng là đúng với thỏa ước lao động tập thể và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng. Do đó, Công ty H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 21/2018/LĐ-ST, ngày 06 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố B áp dụng: Điều 74, 75, 93, 98, 202 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị định số: 49/2013/NĐ-CP, ngày 14/5/2013 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Lê D về việc “tranh chấp tiền lương ngừng việc” đối với Công ty cổ phần H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/11/2018, nguyên đơn ông Huỳnh Lê D kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông D và Công ty H không có thỏa thuận tiền lương ngừng việc được trả bằng mức lương tối thiểu vùng. Theo Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số: 336/QĐ-TTr, ngày 01/9/2017 của Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai chấp nhận khiếu nại của ông D, buộc Công ty H trả cho ông D số tiền lương ngừng việc còn thiếu là 13.413.519 đồng. Mặt khác, Kết luận số: 490/KL-TTr, ngày 30/11/2017 của Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội kiến nghị Công ty H trả tiền lương ngừng việc cho người lao động theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012 thì phải thỏa thuận với người lao động. Hiện nay, chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền hủy 02 văn bản trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc Công ty H trả cho ông D tiền lương ngừng việc còn thiếu là 13.413.519 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Từ năm 2014 đến năm 2015, Công ty H chấm dứt hoạt động nhiều chi nhánh tại: Long An, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, An Giang. Như vậy, có căn cứ chứng minh Công ty H phải thu hẹp quy mô sản xuất dẫn đến gặp khó khăn về kinh tế. Do đó, việc Công ty H cho ông D ngừng việc năm 2016 và 2017 là có lý do kinh tế theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012. Tuy nhiên, Công ty H không thỏa thuận tiền lương ngừng việc trực tiếp với ông D là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty H phải trả tiền lương ngừng việc còn thiếu cho ông D theo hợp đồng lao động với số tiền 13.413.519 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ông D và Công ty H ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ ngày 01/6/2016.

Các đương sự thống nhất thời gian Công ty H cho ông D nghỉ ngừng việc trong hai năm 2016 và 2017 là 105 ngày. Cụ thể, từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2016 là 07 ngày, tháng 12/2016 là 03 ngày, từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 là 95 ngày. Tiền lương ngừng việc Công ty H đã giải quyết trả cho ông D căn cứ mức lương tối thiểu vùng (năm 2016 là 3.500.000 đồng/tháng và năm 2017 là 3.750.000 đồng/tháng).

Ông D xác định, Công ty H trả lương ngừng việc bằng mức lương tối thiểu vùng như nêu trên nhưng không có thỏa thuận với người lao động là không đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, ông D yêu cầu Công ty H trả tiền lương ngừng việc còn thiếu theo hợp đồng là 13.413.519 đồng và tiền lãi là 2.280.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D không yêu cầu Công ty H trả tiền lãi.

Theo bị đơn, do thực hiện cam kết quốc tế và Luật phòng chống tác hại của thuốc lá buộc Công ty H phải thu hẹp sản xuất dẫn đến cho ông D ngừng việc lý do kinh tế, nên Công ty trả lương ngừng việc cho ông D là căn cứ vào hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp tiền lương ngừng việc” là đúng quy định pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án lao động của Tòa án cấp sơ thẩm, vì vụ việc đã được Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai giải quyết khiếu nại (lần 2) theo Quyết định số: 336/QĐ-TTTr, ngày 01/9/2017. Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 200 Bộ luật lao động năm 2012 và điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 119/2014/NĐ-CP, ngày 17/12/2014 của Chính phủ quy định người khiếu nại có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi của người sử dụng lao động là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án lao động là đúng theo quy định tại khoản 1

Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Công ty H trực thuộc Tổng Công ty V, ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu là trồng trọt, thu mua và chế biến nguyên liệu thuốc lá. Từ năm 2014 đến năm 2017, Công ty H chấm dứt hoạt động của nhiều chi nhánh tại Long An, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, An Giang, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai. Như vậy, có căn cứ chứng minh do thực hiện Công ước khung về kiểm soát thuốc lá của Tổ chức Y tế thế giới (FCTC), Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá, các quy định của nhà nước về kiểm soát thuốc lá, cũng như “Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020” của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu là “Giảm nhu cầu sử dụng và kiểm soát để từng bước giảm mức cung cấp các sản phẩm thuốc lá tiêu thụ tại thị trường Việt Nam nhằm giảm nguy cơ bệnh tật và tử vong do sử dụng thuốc lá gây ra”, đã buộc Công ty H phải thu hẹp quy mô sản xuất dẫn đến gặp khó khăn về kinh tế, doanh số hàng năm bị giảm. Do đó, việc Công ty H cho ông D ngừng việc năm 2016 và 2017 là có lý do kinh tế theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012.

Khi thanh toán tiền lương ngừng việc, Công ty H cho rằng đã thỏa thuận với người lao động theo thỏa ước lao động tập thể (năm 2016 – 2018) và quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng đã được lấy ý kiến thống nhất của đại diện tập thể người lao động và các xí nghiệp trực thuộc trước khi ban hành nên trả tiền lương ngừng việc cho ông D bằng mức lương tối thiểu vùng là đúng quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Công ty H ban hành thỏa ước lao động tập thể và quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng là đúng quy định pháp luật nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012, khi ngừng việc, người sử dụng lao động phải thỏa thuận với từng người lao động về tiền lương ngừng việc. Theo tài liệu chứng cứ Tòa án cấp phúc thẩm thu thập bổ sung do Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp thì tại Kết luận số: 490/KL-TTr, ngày 30/11/2017, Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội kiến nghị Công ty H thỏa thuận tiền lương ngừng việc với người lao động. Do đó, ông D cho rằng Công ty H không thỏa thuận trực tiếp với ông nên kháng cáo yêu cầu giải quyết tiền lương ngừng việc theo hợp đồng lao động là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty H phải trả tiền lương ngừng việc cho ông D theo hợp đồng lao động, cụ thể như sau:

- Tiền lương ngừng việc theo hợp đồng lao động:

+ Từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2016: 07 ngày x (6.825.500 đồng/tháng ÷ 26 ngày) = 1.837.634 đồng;

+ Từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2017: 98 ngày x (7.063.500 đồng/tháng ÷ 26 ngày) = 26.623.961 đồng.

Tổng cộng: 28.461.595 đồng (1).

- Tiền lương ngừng việc ông D đã nhận:

+ Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016 là: 10 ngày x (3.500.000 đồng/tháng ÷ 26 ngày) = 1.346.153 đồng;

+ Từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 là: 95 ngày x (3.750.000 đồng/tháng ÷ 26 ngày) = 13.701.923 đồng.

Tổng cộng: 15.048.076 đồng (2).

Như vậy, số tiền lương ngừng việc Công ty H còn phải trả thêm cho ông D là: (1) – (2) = 28.461.595 đồng - 15.048.076 đồng = 13.413.519 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty H trả tiền lãi với số tiền 2.280.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Công ty H phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 13.413.519 đồng x 3% = 402.405 đồng.

- Ông Huỳnh Lê D được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Lê D, sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 21/2018/LĐ-ST, ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Áp dụng Điều 98 và Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Lê D đối với bị đơn Công ty cổ phần H về việc “tranh chấp tiền lương ngừng việc”.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả thêm tiền lương ngừng việc cho ông Huỳnh Lê D là 13.413.519 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Công ty cổ phần H phải chịu 402.405 đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Ông Huỳnh Lê D được miễn án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Huỳnh Lê D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 003400, ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Triệu Thị Huỳnh Hoa